

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM THỦY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

Cẩm Thủy, ngày tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO

**Đánh giá tình hình, ước thực hiện chỉ tiêu giáo dục năm học 2022 - 2023,
xây dựng chỉ tiêu giáo dục năm học 2023 - 2024**

PHẦN THỨ NHẤT:

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH, ƯỚC THỰC HIỆN CHỈ TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2022 - 2023

I. Thực trạng phát triển Giáo dục và Đào tạo của huyện Cẩm Thủy

1. Quy mô mạng lưới trường lớp.

Bậc Mầm non: 19 trường, Trong đó có 19 trường công lập, 34 điểm trường. Bậc Tiểu học: 16 trường công lập, 22 điểm trường (giảm 2 điểm trường). Bậc THCS: 16 trường công lập, có 1 trường chuyên biệt (DTNT huyện), TH & THCS: 04 trường; Trung tâm TTGD nghề nghiệp-GDTX: 01; có 3 trường THPT công lập

Tổng số trường đạt chuẩn Quốc gia: 55/58, đạt tỷ lệ 94,8% (15 trường chuẩn mức độ 2). Trong đó: Mầm non: 19/19, tỷ lệ 100% (6 trường đạt chuẩn mức độ 2); Tiểu học: 16/16, tỷ lệ 100% (8 trường mức độ 2); THCS: 29/20, tỷ lệ 100% (01 trường mức độ 2); THPT: 1/3, tỷ lệ: 33,3%.

Tính đến năm học 2022- 2023 huyện Cẩm Thủy đã ổn định về kế hoạch sắp xếp mạng lưới trường lớp học theo Quyết định số 2820/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án sắp xếp các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025.

2. Thực hiện kế hoạch phát triển, công tác tuyển sinh đầu cấp, công tác phổ cập:

- Mầm non: Tổng số nhóm lớp: 326. Trong đó: Nhà trẻ: 100 nhóm, Mẫu giáo: 226 nhóm. Tổng số cháu: 6906 cháu; Nhà trẻ: 1210 cháu; Mẫu giáo: 5696 cháu.

- Tiểu học: Có 313 lớp, với 9.774 học sinh. Tỷ lệ huy động học sinh 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100% (cao hơn so với toàn tỉnh 0,1%); trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%.

- THCS: Có 187 lớp. Tổng số học sinh: 6839 em. Tỷ lệ huy động học sinh vào lớp 6 đạt 100% .

3. Chất lượng giáo dục:

3.1. Giáo dục Mầm non:

- Căn cứ các văn bản chỉ đạo Bộ, Tỉnh, bậc học tham mưu ban hành 8 văn bản hướng dẫn hoạt động nuôi dưỡng - chăm sóc - giáo dục trẻ. Triển khai kịp thời, hiệu quả các hoạt động quản lý nhà nước trên lĩnh vực GD MN. Tập trung triển khai CV số 112 V/v Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2022- 2023 với 8 nhiệm vụ cụ thể và Công văn số 111 Về lịch trọng tâm công tác GDMN năm học 2022-2023.

- Thực hiện tốt Chương trình giáo dục mầm non sau sửa đổi theo Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 04 năm 2021 phù hợp với điều kiện của từng đơn vị và khả năng, nhu cầu của trẻ; tiếp tục thực hiện có hiệu quả chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2021-2025. Trong đó chú trọng đến nội dung giáo dục kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi, phù hợp với bản sắc văn hóa của địa phương trong thực hiện Chương trình GDMN. Đổi mới phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục, chú trọng đổi mới tổ chức môi trường giáo dục tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá, trải nghiệm và sáng tạo. Lòng ghép giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe trong các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại cơ sở giáo dục mầm non.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ tại 4 cụm trường (lần 1) với hình thức, nội dung ngày càng phong phú, đảm bảo yêu cầu. Các cụm chuyên môn đã tập trung chia sẻ thảo luận về các nội dung như: Hội thi “giáo viên dạy giỏi” cấp huyện; hội thi “Bé với làn điệu dân ca”, công tác BDTX.....

- Triển khai tới các đơn vị Chương trình sức khỏe học đường và thực hiện bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ mầm non.

- Phối hợp cùng tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel tổ chức tập huấn, giới thiệu Chương trình cho trẻ mẫu giáo làm quen với Tiếng Anh theo Thông tư 50/TT-BGDĐT.

- Tổng số nhóm lớp: 321. Trong đó: Nhà trẻ: 100 nhóm, Mẫu giáo: 221 nhóm. Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp: $6887/9933 = 69.3\%$ Trong đó:

+ Nhà trẻ: $1191/ 3924 = 30.6\%$

+ Mẫu giáo: $5696/6009 = 94.8\%$

- Công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ : Số trẻ học 2 buổi/ngày đạt tỷ lệ 100%; số trường tổ chức nuôi ăn bán trú 19/19 đạt tỷ lệ 100%; số trẻ ăn bán trú 6887/6887 đạt tỷ lệ 100%. Trẻ đến trường được khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm và được cân đo, theo dõi tình trạng sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng 4 lần/ năm. Kết quả, cuối học kỳ I tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm còn $355/6887 = 5.2\%$ (giảm 1.1% so với đầu năm), tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm còn $408/6887 = 5.9\%$ (giảm 1.0% so với đầu năm); Trẻ thừa cân, béo phì là $39/6887 = 0.56\%$ (giảm 0.04% so với đầu năm). 100% trẻ đến trường được bảo đảm tuyệt đối an toàn về thể chất và tinh thần, bảo đảm an toàn tính mạng cho trẻ trong mọi hoạt động. Các nhà trường xây dựng kế hoạch phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ.

- Chỉ đạo khảo sát chất lượng trẻ, đánh giá mức độ trẻ đạt và có biện pháp bồi dưỡng trẻ. Kết thúc học kì I, tổng số trẻ được khảo sát là 6744/6887 trẻ, số trẻ đạt yêu cầu là $6272/6744 = 93\%$, số trẻ chưa đạt là 7%.

- Công tác phối hợp, hướng dẫn cha mẹ trẻ trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Đa dạng các hình thức tuyên truyền đến các bậc cha mẹ trẻ về chế độ dinh dưỡng cân đối, hợp lý giúp trẻ phát triển toàn diện về thể chất và phòng chống dịch bệnh qua việc ứng dụng công nghệ thông tin nhóm zalo, facebook, messenger, zom. Phối hợp với gia đình xây dựng chế độ dinh dưỡng, vận động hợp lý đối với trẻ suy dinh dưỡng và trẻ thừa cân, béo phì cập nhật thông tin hai chiều và phản hồi tích cực với cha mẹ trẻ.

- Việc chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi sẵn sàng vào học lớp Một. Chỉ đạo các đơn vị hướng dẫn giáo viên lựa chọn những nội dung giáo dục cốt lõi, cần thiết, ưu tiên tổ chức các hoạt động giáo dục, hướng dẫn phụ huynh tổ chức giáo dục trẻ em ở nhà phù hợp với điều kiện của gia đình, nhằm chuẩn bị cho trẻ em sẵn sàng vào học lớp Một; đảm bảo trẻ em mẫu giáo 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN khi kết thúc năm học.

- Tổ chức tốt Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp huyện năm học 2022-2023. Kết quả 146/166 Giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp huyện, đạt tỷ lệ 88%.

- Triển khai kế hoạch Hội thi: Bé với làn điệu dân ca. Kết quả 19/19 đơn vị tổ chức thành công hội thi cấp trường, thành lập đội ôn luyện chuẩn bị tham gia thi cấp huyện.

3.2. Giáo dục phổ thông

- Tình hình triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018, SGK lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 6, lớp 7.

+ Tổ chức cho CBQL và toàn thể giáo viên dạy lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 6 và lớp 7 tham gia Hội thảo chọn sách giáo khoa lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 6 và lớp 7, tham gia tập huấn trực tiếp sách giáo khoa lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 6 và lớp 7 do Sở GDĐT tổ chức và tham gia tập huấn các modul chương trình GDPT 2018 đối với CBQL, GV cốt cán và đại trà đối với tất cả cán bộ, giáo viên trong toàn ngành. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh; Chỉ đạo các nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường; tập trung chỉ đạo công tác đổi mới sinh hoạt chuyên môn, triển khai thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo hướng NCBH. Tổ chức sinh hoạt cụm chuyên môn về thực hiện chương trình GDPT 2018.

+ 100% CBQL, GV các trường tham gia tập huấn chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi

+ Bậc Tiểu học: Tổ chức các hoạt động sinh hoạt các CLB và tổ chức cho HS tham dự các cuộc thi, sân chơi trí tuệ (Trạng nguyên toàn tài, trạng nguyên

Tiếng Việt, Tin học trẻ, Toán quốc tế Timo) và một số sân chơi, cuộc thi khác. Kết quả tham dự các cuộc thi cấp tỉnh, cấp cuộc gia của các trường tiểu học.

+ Bậc THCS: Chỉ đạo trường THCS Thị Trấn tăng cường công tác Bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi các môn văn hóa lớp 9; Các trường THCS tổ chức bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi khối 6,7,8.

Tham dự kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa lớp 9 cấp Tỉnh . Kết quả đạt 47 giải trong đó: 01 giải nhất, 13 giải nhì, 16 giải ba, 17 giải khuyến khích (xếp hạng 15 toàn tỉnh, đứng đầu khu vực Miền núi, đứng trên 02 huyện miền xuôi là Vĩnh Lộc và Hà Trung).

Tổ chức thi KHKT cấp huyện dành cho học sinh THCS: Có 23 dự án tham gia dự thi (giảm 02 dự án so với năm học 2021-2022), kết quả có 12 dự án đạt giải (Nhất 01, Nhì 03, Ba 05, KK 03) và chọn 03 dự án hoàn thiện hồ sơ dự thi KHKT cấp tỉnh, kết quả: 01 giải Ba, 02 giải Khuyến khích.

- Tổ chức phổ biến kịp thời, thường xuyên các quy định pháp luật mới về giáo dục và các quy định pháp luật phù hợp với từng đối tượng người học thuộc phạm vi quản lý của đơn vị.

- Tổ chức nhiều hoạt động tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng cho CBQL, giáo viên, nhân viên, học sinh: Tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm; họp mặt kỷ niệm ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, 40 năm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, ngày Quốc tế phụ nữ 08/3; ...; vận động quỹ “vì người nghèo”, quỹ “Đền ơn đáp nghĩa”; tổ chức hiệu quả các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, truyền thống cách mạng, kỹ năng sống, tư vấn tâm lý cho học sinh, giáo dục an toàn giao thông, phòng chống bạo lực học đường; mở lớp bồi dưỡng kiến thức về lịch sử địa phương;...

- Tăng cường các hoạt động giáo dục thể chất, TDTT trong các nhà trường như: Điền kinh, bơi lội, bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn, TD Arobic...

- 100% các trường Tiểu học, THCS, TH&THCS thực hiện chương trình tiếng Anh hệ 10 năm của NXB giáo dục Việt nam.

- Đổi mới sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn: Sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học nhằm phát triển phẩm chất năng lực học sinh; xây dựng môi trường thân thiện, tích cực, tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, chất lượng sinh hoạt chuyên môn.

- Quản lý dạy thêm học thêm: 100% các nhà trường xây dựng kế hoạch dạy thêm, học thêm theo quy định và đảm bảo công tác phòng, chống dịch dịch.

- Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ: Duy trì nâng cao chất lượng, tỷ lệ đạt chuẩn PCGD XMC. Năm 2022 Phổ cập GD MN cho trẻ 5 tuổi đạt 100%; PCGD TH đạt mức độ 3; PCGD THCS và xóa mù chữ đạt mức độ 2.

- Chất lượng giáo dục đại trà, chất lượng giáo dục mũi nhọn học kỳ 1 năm học 2022-2023

• KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC

1. Kết quả các môn học

a. Đối với lớp 1, lớp 2 và lớp 3

Môn học Tỉ lệ (%)	Tiếng Việt	Toán	TNXH	Tiếng Anh
Hoàn thành tốt	52,91%	57,03%	55,71%	46,6%
Hoàn thành	45,65%	41,86%	44,12%	53,4%
Chưa hoàn thành	1,44%	1,11%	0,17%	0%

b. Đối với lớp 4 và lớp 5

Môn học Tỉ lệ (%)	Tiếng Việt	Toán	Khoa học	Lịch sử - Địa lí	Ngoại ngữ	Tin học
Hoàn thành tốt	43,7%	45,36%	50,93%	48,56%	37,68%	52,85%
Hoàn thành	55,89%	54,27%	49,05%	51,38%	62,21%	47,15%
Chưa hoàn thành	0,41%	0,36%	0,02%	0,07%	0,11%	0%

2. Kết quả về năng lực, phẩm chất

a. Đối với lớp 1, lớp 2 và lớp 3

Nội dung đánh giá		Từng năng lực, phẩm chất	Tỉ lệ mức đạt được (%)		
			Tốt	Đạt	Cần cố gắng
Năng lực	Năng lực chung	Tự chủ và tự học	60,68%	38,2%	1,12%
		Giao tiếp và hợp tác	61,62%	37,51%	0,87%
		GQVĐ&ST	58,6%	40,26%	1,14%
	Năng lực đặc thù	Ngôn ngữ	61,16%	37,94%	0,9%
		Tính toán	61,12%	37,86%	1,02%
		Khoa học	61,49%	37,84%	0,67%
		Thẩm mỹ	62,35%	37,21%	0,44%
	Thể chất	64,42%	35,27%	0,31%	
Phẩm chất		Yêu nước	72,45%	27,48%	0,07%
		Nhân ái	71,42%	28,51%	0,07%
		Chăm chỉ	62,4%	36,92%	0,68%
		Trung thực	68,06%	31,86%	0,08%
		Trách nhiệm	64,03%	35,6%	0,37%

b. Đối với lớp 4 và lớp 5

Nội dung đánh giá	Từng năng lực, phẩm chất	Tỉ lệ mức đạt được (%)		
		Tốt	Đạt	Cần cố gắng
Về năng lực	Tự phục vụ, tự quản	61,83%	38,06%	0,11%
	Hợp tác	71,97%	27,9%	0,14%
	Tự học & GQVĐ	48,19%	51,51%	0,3%
Về phẩm chất	Chăm học, chăm làm	54,98%	44,75%	0,27%
	Tự tin, trách nhiệm	57,53%	42,38%	0,09%
	Trung thực, kỉ luật	66,16%	33,82%	0,02%
	Đoàn kết, yêu thương	73,42%	26,58%	0%

• KẾT QUẢ GIÁO DỤC THCS:

1. Kết quả xếp loại hạnh kiểm

a. Đối với lớp 6, lớp 7: Đánh giá kết quả rèn luyện

KHỐI	Tổng số học sinh	Hạnh kiểm							
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
6	1746	1526	87.40	205	11.74	9	0.52	3	0.17
7	1600	1351	84.44	221	13.81	24	1.50	1	0.06

b. Đối với lớp 8 và lớp 9: Đánh giá xếp loại hạnh kiểm

KHỐI	Tổng số học sinh	Hạnh kiểm							
		Tốt		Khá		TB		Yếu	
		SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
8	1699	1413	83.17	249	14.66	36	2.12	0	0.00
9	1430	1199	75.75	198	12.55	33	2.16	0	0.00

2. Kết quả xếp loại học lực

a. Đối với lớp 6, lớp 7:

KHỐI	Tổng số học sinh	Học lực							
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
6	1746	179	10.25	673	38.55	835	47.82	54	3.09
7	1600	248	15.50	733	45.81	603	37.69	13	0.81

b. Đối với lớp 8 và lớp 9:

KHỐI	Tổng số học sinh	Học lực									
		Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Kém	
		SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
8	1699	142	8.36	702	41.32	828	48.73	26	1.53	0	0
9	1430	161	11.2	705	49.3	549	38.3	15	1,2	0	0

3.3. Giáo dục thường xuyên

Phòng GD&ĐT đã tham mưu cho UBND huyện ban hành kế hoạch và hướng dẫn chỉ đạo các xã, thị trấn, các cơ quan đơn vị xây dựng các kế hoạch thực hiện đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030

Tăng cường công tác hướng dẫn chỉ đạo đối với các TTHTCĐ; Phát huy hiệu quả, chất lượng hoạt động năm học 2021-2022 có 13/17 TTHTCĐ xếp loại tốt, 04/17 TTHTCĐ xếp loại khá, không có Trung tâm xếp loại từ trung bình trở xuống.

3.4. Hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng:

Triển khai các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo và tiến hành kiểm tra hoạt động của các TTHTCĐ, các phòng trào học tập trên địa bàn dân cư đối với các xã, thị trấn. TTHTCĐ các xã, thị trấn hoạt động hiệu quả, góp phần quan trọng cùng các địa phương hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới về lĩnh vực GD&ĐT. Năm học 2022-2023 có 14 TTHTCĐ được xếp loại tốt, 03 TTHTCĐ xếp loại khá.

3.5. Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ

Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025” theo Quyết định số 3475/QĐ-UBND, ngày 17/08/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Số giáo viên tham gia khảo sát và bồi dưỡng: 47/52 = 90% (còn 05 giáo viên chưa tham gia khảo sát do mới được tuyển dụng năm 2020):

+ Đạt B2: 09/47, tỷ lệ 19% (THCS 6/18, tỷ lệ 33% ; Tiểu học 03/36, tỷ lệ: 08%).

+ Chưa đạt: 38/47, tỷ lệ 81% (trong đó có 07/47 chưa đạt B1, tỷ lệ: 15% (07 giáo viên chưa đạt B1 thuộc giáo viên tiểu học)

4. Công tác xây dựng, thực hiện quy hoạch đội ngũ nhà giáo và cán bộ QLGD.

- Bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ; nâng chuẩn GV

+ Công tác tuyên truyền thực hiện Nghị định 71: Xây dựng kế hoạch và triển khai triển khai thực hiện đào tạo nâng trình độ chuẩn giáo viên, đảm bảo đúng đối tượng, nguyên tắc và lộ trình quy định tại Nghị định 71/2020/NĐ-CP ngày

30/6/2020 của Chính phủ và kế hoạch chung của tỉnh; tạo điều kiện thuận lợi để đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được tham gia đào tạo đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn.

+ Công tác bồi dưỡng, tập huấn đội ngũ: Tập trung bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, năng lực quản lý, năng lực giảng dạy và giáo dục, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin. Chú trọng bồi dưỡng đội ngũ về thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; đổi mới phương pháp dạy học tích hợp, dạy học liên môn; cách thức, phương pháp tổ chức hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm sáng tạo và kiểm tra, đánh giá. Tiếp tục đổi mới công tác quản lý, quản trị nhà trường; đổi mới sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn, tăng cường tổ chức hội thảo về chuyên môn,

Tăng cường công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý và giáo viên về quản trị nhà trường, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá; triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình bồi dưỡng nhà giáo: Bồi dưỡng thường xuyên đáp ứng yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn hiệu trưởng và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ nhằm nâng cao trình độ và năng lực, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; bồi dưỡng về chương trình, sách giáo khoa mới theo các module và lộ trình triển khai, thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Trong năm học 2022-2023, có 461 CBQL-GV cấp Tiểu học và 320 CBQL - GV cấp THCS được tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao năng lực chuyên môn, để đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; 47 giáo viên TH, THCS được đào tạo đạt chuẩn trình độ.

- Thuyên chuyển, điều động, bổ nhiệm cán bộ quản lý và giáo viên; tuyển dụng, tuyển dụng lại giáo viên.

+ Thuyên chuyển, điều động, bổ nhiệm: thuyên chuyển đi huyện ngoài 15 GV, thuyên chuyển trong huyện 07 GV, điều động 08 GV, bổ nhiệm mới : không, bổ nhiệm lại 15 CBQL, điều động bổ nhiệm 07 CBQL

+ Tuyển dụng mới giáo viên ở từng cấp học: 11 GV MN, 24 GV TH, 11 GV THCS.

+ Tuyển dụng lại giáo viên: không

+ Chuyển từ hợp đồng 60 sang viên chức qua tuyển dụng đối với giáo viên mầm non: 11 người.

+ Thừa/thiếu giáo viên ở các cấp học; hướng khắc phục: tính đến hết tháng 12/2022, toàn huyện thiếu 121 giáo viên theo biên chế tỉnh giao năm 2022(MN thiếu 28 giáo viên, TH thiếu 81 GV, THCS thiếu 12 giáo viên); nhu cầu giáo viên theo quy định của tỉnh còn thiếu 246 người (MN thiếu 49 GV, TH thiếu 122 GV, THCS thiếu 75 GV). Để đảm bảo tối thiểu định mức giáo viên thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, UBND huyện đã chỉ đạo, tổ chức triển khai nhiều giải pháp đồng bộ khắc phục thực trạng thiếu biên chế như sắp xếp, bố trí hợp lý biên chế hiện có, điều động dạy tăng cường liên trường, liên cấp học, tuyển dụng mới, hợp đồng thuê giảng dạy....

- Thực hiện các chế độ chính sách đối với đội ngũ: Thực hiện đầy đủ, đúng quy định chế độ tiền lương, chế độ phụ cấp.

5. Công tác xây dựng trường chuẩn Quốc gia và kiểm định chất lượng; huy động các nguồn lực giáo dục:

5.1. Công tác chỉ đạo, triển khai của Phòng giáo dục & Đào tạo

Tiếp tục chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện có hiệu quả các đề án, dự án tăng cường CSVC, thiết bị dạy học, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đảm bảo yêu cầu đổi mới GDĐT, giai đoạn 2021-2025 và gắn liền với xây dựng Nông thôn mới.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị, trường học tiếp tục thực hiện có hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Chính phủ, của Bộ GDĐT và của tỉnh quy định về chuẩn CSVC, trang thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục mầm non, GDPT.

- Đẩy mạnh phong trào xã hội hóa giáo dục, tăng thêm nguồn kinh phí để tu sửa, nâng cấp, cải tạo nhỏ, mua sắm các thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy của các trường mầm non, tiểu học, THCS trong huyện.

Phòng Giáo dục & Đào tạo đã xây dựng Kế hoạch và chỉ đạo các đơn vị trường học thực hiện Công tác Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia theo các thông tư mới(17,18,19/2018/TT-BGDĐT) ngày 22/8/2018 về kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD) và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học, trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và trường mầm non của Bộ GD&ĐT

5.2. Kết quả thực hiện

Kết quả: 100% các trường hoàn thành công tác Tự đánh giá. Trong học kỳ 1 năm học 2022- 2023 đã đề nghị Sở GD&ĐT kiểm tra công nhận mới KĐCLGD cấp độ 3 và UBND tỉnh công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 cho 01 trường (MN Cẩm Thạch) ; Công nhận chuẩn Quốc gia mức độ 1 cho 03 trường(THCS Cẩm Châu, TH&THCS Cẩm Liên, TH&THCS Cẩm Lương). Công lại lại cho 01 trường(Tiểu học Cẩm Thành và nâng chuẩn mức độ 2 cho 03 trường(-THCS Cẩm Thạch- Tiểu học Cẩm Phú, TH Cẩm Ngọc)

Tính đến tháng 12/2022 toàn huyện có 55/58, đạt tỷ lệ 94,8.%(15 trường chuẩn mức độ 2). Trong đó: Mầm non: 19/19, tỷ lệ 100.%(6 trường đạt chuẩn mức độ 2); Tiểu học: 16/16, tỷ lệ 100%(8 trường mức độ 2); THCS: 29/20, tỷ lệ 100%(01 trường mức độ 2); THPT: 1/3, tỷ lệ: 33,3.%.

5.3. Khó khăn, hạn chế

Chủ yếu là thiếu phòng học, phòng học bộ môn, nhà hiệu bộ và các công trình phụ trợ khác.

Thiếu đội ngũ giáo viên, nhân viên(Đặc biệt là MN và TH)

Theo các thông tư mới chỉ một yêu cầu(chỉ báo) không đạt là không đạt, không nợ các tiêu chí. Nếu Kiểm định chất lượng Giáo dục đạt cấp độ 2 thì

trường chuẩn QG mới đạt mức độ 1 và sau 5 năm phải đề nghị công nhận lại. Các yêu cầu về công nhận lại cũng như công nhận mới mà lại không được hỗ trợ của huyện theo NQ HĐND huyện.

6. Tình hình thực hiện các chính sách của Nhà nước và các chính sách

Trong năm học phòng GD&ĐT đã chỉ đạo các trường trong việc thực hiện việc chi trả chế độ chính sách cho cán bộ , giáo viên , học sinh đầy đủ, kịp thời, chính xác. Phòng giáo dục đã phối hợp cùng phòng TC-KH hướng dẫn các đơn vị xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ sát đúng với thực tế của đơn vị mình, hiện nay 100% các trường đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, các đơn vị đã bám sát quy chế chi tiêu nội bộ để thực hiện nhiệm vụ thu, chi của đơn vị mình, chi đúng, chi đủ. Hàng năm chuẩn bị vào năm học mới Phòng GD đã chủ động thực hiện việc thẩm định ,duyet kế hoạch và dự toán thu chi các khoản ngoài ngân sách nhà nước cho các trường Mầm non, tiểu học, THCS, TTGDNN-GDTX, đúng theo quy định. Bộ phận kế toán phòng GD đã đầu mối phối hợp cùng phòng thanh tra huyện và phòng Tài chính kế hoạch tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra tại các trường , kịp thời uốn nắn, nhắc nhở các đơn vị trong việc thực hiện thu, chi công khai, dân chủ, minh bạch. (theo tinh thần Nghị quyết số 149/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và các văn bản hướng dẫn của Sở GDĐT)

II. Nhận định tổng quan về thực trạng

1. Ưu điểm: Trong năm học 2022- 2023, dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, sự quan tâm giúp đỡ của Sở Giáo dục và Đào tạo, sự chỉ đạo điều hành tích cực của UBND huyện sự ủng hộ của các cấp các ngành, sự đồng thuận của các tầng lớp nhân dân ngành giáo dục và đào tạo huyện đã nỗ lực cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ như: Tỷ lệ huy động học sinh ra lớp tăng so với năm học trước, hoàn thành chương trình giảng dạy đảm bảo quy định; Công tác quản lý, điều hành của phòng GD&ĐT cũng như các đơn vị, trường học có nhiều giải pháp sáng tạo, quyết liệt nên nhiều mục tiêu, chỉ tiêu hoàn thành vượt mức kế hoạch, Chất lượng giáo dục toàn diện được nâng lên. Tỷ lệ cán bộ quản lý , giáo viên trình độ đào tạo trên chuẩn được nâng cao, cơ sở vật chất trường, lớp học từng bước được đầu tư quan tâm gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới.

2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế

Chất lượng giáo dục chưa đồng đều giữa các nhà trường giữa các vùng miền. Đội ngũ giáo viên vừa thừa, vừa thiếu, không đồng bộ về cơ cấu bộ môn. Việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày ở trường tiểu học giảm so với năm học trước, do thiếu giáo viên và không hợp đồng được giáo viên giảng dạy. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học ở một số trường học vẫn còn thiếu thốn, chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng dạy và học. Kinh phí chi cho hoạt động chuyên môn trong các đơn vị, trường học còn eo hẹp, khó khăn.

b) Nguyên nhân

Trình độ năng lực quản lý, giảng dạy của một bộ phận cán bộ quản lý, giáo viên chưa đồng đều, chậm đổi mới, chưa quyết liệt; chưa có biện pháp tạo động lực cho đội ngũ. Nhận thức của một bộ phận giáo viên về tự học, tự

bồi dưỡng còn hạn chế. Nhiều giáo viên dạy bồi dưỡng học sinh giỏi chưa đầu tư chuyên môn, chưa học hỏi nhiều ở đồng nghiệp tại các huyện khác. Việc thực hiện XHH và sử dụng kinh phí để tăng cường CSVC ở nhiều đơn vị, trường học hiệu quả chưa cao, còn ỷ lại vào sự đầu tư của nhà nước nên chưa đáp ứng được yêu cầu về đổi mới giáo dục.

3. Giải pháp khắc phục

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong đội ngũ cán bộ, giáo viên. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Tăng cường nền nếp, kỷ cương, kỷ luật trong các trường học; Nâng cao nhận thức cho đội ngũ nhà giáo.

- Tăng cường tham mưu với Cấp ủy, Chính quyền địa phương để có sự chỉ đạo kịp thời; chủ động phối hợp với các ban ngành, đoàn thể và các tổ chức chính trị xã hội để thực hiện nhiệm vụ chính trị xã hội của ngành, tạo mối quan hệ giữa giáo viên với phụ huynh học sinh, giữa nhà trường với chính quyền địa phương.

- Tiếp tục đổi mới công tác quản lý giáo dục, tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các nhà trường. Thực hiện đổi mới, nâng cao hiệu lực và hiệu quả công tác quản lý đối với các nhà trường theo hướng tăng cường phân cấp quản lý, tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Thực hiện tốt 3 công khai trong các nhà trường. Xây dựng hệ thống vị trí việc làm và thực hiện quản lý nhân sự theo vị trí việc làm, tăng cường công tác kiểm định chất lượng giáo dục. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý và dạy học.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, đổi mới công tác thi Tập trung thanh tra các vấn đề bức xúc, nổi cộm để giúp cơ sở ngăn ngừa các sai phạm, vi phạm, hạn chế tiêu cực xảy ra; tiếp tục đổi mới cách thức tổ chức thi, chấm thi, ra đề thi theo hướng phát huy khả năng người học, tạo thuận lợi cho người thi, đảm bảo công bằng, minh bạch và thiết thực; tăng cường công tác tự đánh giá, đánh giá ngoài các cơ sở giáo dục để nâng cao hoạt động giáo dục trong các nhà trường...Kiên quyết xử lý tập thể, cá nhân vi phạm pháp luật, vi phạm quy định của ngành, đặc biệt là việc thực hiện các khoản thu, chi ngoài ngân sách trong trường học, việc tổ chức dạy thêm, học thêm trái với quy định.

- Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp theo hướng đạt chuẩn quốc gia gắn với chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới. Tăng cường trang thiết bị đáp ứng đủ điều kiện dạy học theo yêu cầu đổi mới chương trình và sách giáo khoa. Ngoài chương trình mục tiêu quốc gia và kinh phí của địa phương đầu tư hàng năm, các nhà trường cần làm tốt phong trào xã hội hóa giáo dục để huy động thêm kinh phí từ các nhà doanh nghiệp, các nhà hảo tâm, phụ huynh học sinh...mua sắm CSVC, thiết bị dạy học cũng như công tác khuyến học, khuyến tài động viên học sinh đạt giải cao trong học tập, học sinh nghèo vượt khó vươn lên học giỏi.

- Tăng cường UDCNTT trong quản lý và dạy học. Sử dụng có hiệu quả các phần mềm dạy học trực tuyến để nâng cao chất lượng giáo dục và đáp ứng diễn biến phức tạp của tình hình dịch bệnh Covid -19.

- Tổ chức tuyên truyền, triển khai và thực hiện các văn bản quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, Luật Giáo dục (sửa đổi); tiếp tục hướng dẫn và tổ chức thực hiện các Thông tư, Chỉ thị, Quyết định của Bộ trưởng Bộ GDĐT, của Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND huyện đã ban hành và có hiệu lực hiện nay trên các lĩnh vực GDĐT.

4. Bài học kinh nghiệm

Một là: Cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với quá trình đổi mới giáo dục và đào tạo. Tiếp tục tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho CBGV, NV và HS các nhà trường.

Hai là: Ngành Giáo dục và Đào tạo cần làm tốt công tác tham mưu với UBND Huyện trong việc chỉ đạo các xã, thị trấn đầu tư cơ sở vật chất cho các nhà trường theo hướng trường chuẩn quốc gia gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới.

Ba là: Tập trung chỉ đạo các nhà trường xây dựng kế hoạch có tính khả thi cao, phù hợp với tình hình nhà trường; xác định rõ mục tiêu trọng tâm, đột phá để tập trung chỉ đạo hoạt động thực hiện. Tổ chức triển khai đảm bảo sự đồng bộ, thực hiện linh hoạt, sáng tạo.

Bốn là: Đổi mới công tác quản lý, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý. Đổi mới công tác bồi dưỡng chất lượng mũi nhọn. Chỉ đạo, tổ chức các hoạt động trong nhà trường một cách đồng bộ với mục tiêu chung mà nhiệm vụ năm học đã đề ra; làm tốt công tác thi đua khen thưởng, động viên khích lệ kịp thời, nhân rộng điển hình tiên tiến trong toàn Ngành có tác dụng giáo dục cao.

Năm là: Cần xây dựng được đội ngũ cốt cán giỏi về tay nghề, vững về chuyên môn nghiệp vụ làm nòng cốt trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy trong các nhà trường.

Sáu là: Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động toàn dân tích cực tham gia thực hiện chủ trương xã hội hoá giáo dục ở địa phương.

PHẦN THỨ HAI:

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2023-2024.

1. Cơ sở pháp lý.

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;
- Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH 14 ngày 16/10/2019 của UBTV Quốc hội khóa 14 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa;
- Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025”;

- Kế hoạch số 158/KH-UBND ngày 11/7/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025” tỉnh Thanh Hóa;

- Quyết định số 2820/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án sắp xếp các trường mầm non, tiểu học, THCS và trường phổ thông có nhiều cấp học trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 3185/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc quy định định mức bình quân học sinh/lớp và định mức biên chế cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hành chính các trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở công lập trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 3465/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 về việc quy định định mức bình quân học sinh/lớp học và định mức biên chế cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hành chính của các trường trung học phổ thông, trường trung học cơ sở và trung học phổ thông công lập;

+ Về chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 năm học 2023-2024: Tỷ lệ tuyển mới lớp 10 chiếm 70% số học sinh lớp 9.

2. Định hướng, mục tiêu phát triển giáo dục và đào tạo đã được xác định trong kế hoạch 5 năm 2021 – 2025 của huyện Cẩm Thủy.

II. Nội dung kế hoạch phát triển Giáo dục và Đào tạo Năm học 2023- 2024

1. Định hướng mục tiêu Năm học 2023 - 2024

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện KH 2021-2022	Kế hoạch 2022-2023	So sánh
1	2	3	4	5	5/4
I.	TỔNG SỐ HỌC SINH	Trẻ, HS	27,001	27,679	1.04
1.	Mầm non		6,906	6,646	0.96
1.1.	Nhà trẻ	Trẻ	1,210	1,152	0.95
1.2.	Mẫu giáo	Trẻ	5,696	5,494	0.96
2	Phổ thông		19,781	20,557	1.06
2.1.	Tiểu học	Học sinh	10,507	10,326	1.06
2.2.	Trung học cơ sở	Học sinh	6,480	7,279	1.06
	Trong đó: THCS DTNT (Huyện)	Học sinh	240	240	1.00
2.3.	Trung học phổ thông	Học sinh	2,794	2,952	1.06
2.3.1	Hệ công lập	Học sinh	2,794	2,952	1.06
	- Trường THPT	Học sinh	2,794	2,952	1.06
	- Trường THPT DTNT	Học sinh			
	- Trường THPT chuyên	Học sinh			
2.3.2	Trường tư thục	Học sinh			
3.	GDNN - GDTX (BT THPT)	Học sinh	314	476	1.52
II.	HỌC SINH TUYỂN MỚI	Học sinh	4,736	5,313	1.12
1.	Vào lớp 1	Học sinh	1,982	2,076	1.05
2.	Vào lớp 6	Học sinh	1,746	2,229	1.28

	Trong đó: THCS DTNT	Học sinh	60	60	1.00
3.	Vào lớp 10 THPT	Học sinh	1,008	1,008	1.00
3.1.	Hệ công lập	Học sinh	1,005	1,008	1.00
	- Trường THPT	Học sinh	1,005	1,008	1.00
	- Trường THPT DTNT	Học sinh			
	- Trường THPT chuyên	Học sinh			
3.2.	Hệ tư thực	Học sinh			
3.	Vào lớp 10 BT THPT	Học sinh	166	210	1.27
III.	BÌNH QUÂN HS/LỚP				
1.	Mầm non				
1.1.	Nhà trẻ	Trẻ/lớp	12.1	11.88	0.98
1.2.	Mẫu giáo	Trẻ/lớp	25.77	25.2	1.00
2.	Tiểu học	HS/lớp	30.02	30.02	0.96
3.	THCS	HS/lớp	34.65	35.51	0.97
4.	THPT	HS/lớp	40.49	41.58	1.03
5.	BT THPT	HS/lớp	31.4	39.67	1.26
IV.	SỐ LỚP HỌC	Nhóm, lớp	937	947	1.05
1.	Mầm non	Lớp/Nhóm	321	316	0.97
1.1.	Nhà trẻ	Lớp	100	97	0.97
1.2.	Mẫu giáo	Lớp	221	218	0.96
2.	Tiểu học	Lớp	350	344	1.11
	Trong đó:				
	- Số lớp ghép	Lớp	0	0	
	- Số lớp tuyển sinh đầu cấp	Lớp	69	68	1.00
3.	Trung học cơ sở	Lớp	187	206	1.10
	Trong đó:				
	- Số lớp Dân tộc nội trú	Lớp	8	8	1.00
	- Tuyển mới đầu cấp	Lớp	50	60	1.20
4.	Trung học phổ thông	Lớp	69	71	1.03
4.1.	Hệ Công lập	Lớp			
	Trong đó:				
	- Số lớp công lập	Lớp	69	71	1.03
	- Số lớp tuyển đầu cấp	Lớp	24	24	1.00
	- Số lớp Dân tộc nội trú	Lớp			
	- Số lớp trường chuyên	Lớp			
4.2.	Hệ tư thực	Lớp			
	Trong đó: Số lớp tuyển đầu cấp	Lớp			
5.	TT GDNN-GDTX	Lớp	10	12	1.20
V	SỐ TRƯỜNG HỌC	Trường	58	58	1.00
1.	Mầm non	Trường	19	19	1.00
2.	Tiểu học	Trường	16	16	1.00
3.	Trung học cơ sở	Trường	16	16	1.00
4.	Trường TH&THCS	Trường	4	4	1.00
	Trong đó: Trường DTNT huyện	Trường	1	1	1.00
5.	Trung học phổ thông	Trường	3	3	1.00
5.1.	Hệ Công lập	Trường	3	3	1.00
	Trong đó:				
	- Trường THPT Công lập	Trường	3.	3.	1.00
5.2.	Trường THPT tư thực	Trường			

6.	Trường THCS&THPT	Trường			
7.	Trường TH, THCS & THPT	Trường			
8.	Hạng trường THPT	Trường			
8.1.	Trường hạng 1	Trường	1	1	1.00
8.2.	Trường hạng 2	Trường	2	2	1.00
8.3.	Trường hạng 3	Trường			
9.	Trung tâm GDNN - GDTX	TT	1	1	1.00
10.	Trung tâm KTTH-HN	TT			

2. Mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu năm học 2023-2024.

2.1. Mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch

2.1.1. Số lượng, loại hình trường:

- Mầm non: 19 trường. Trong đó 19 trường Công lập.
- Phổ thông: Tiểu học: 16 trường; THCS: 16 trường (trong đó có 01 trường chất lượng cao của huyện-THCS Thị trấn Cẩm Thủy, 1 trường chuyên biệt); Trường có nhiều cấp học(1,2): 04
- Công nhận lại Trường chuẩn Quốc gia 23 trường: Mầm non: 01 trường(Mầm non Thị Trấn); Tiểu học: 9 trường(TH Cẩm Bình 1, TH Thị Trấn, TH Cẩm Giang, TH Cẩm Tú, TH Cẩm Quý, TH Cẩm Tân, TH Cẩm Long, TH Cẩm Châu, TH Cẩm Vân); THCS: 12 trường(Cẩm Thành, Cẩm Bình, Thị Trấn, Cẩm Sơn, Cẩm Phong, DTNT, Cẩm Giang, Cẩm Ngọc, Cẩm Tân, Trương Công Man, Cẩm Vân, Cẩm Tâm); THPT: 01 trường(THPT Cẩm Thủy 1)và công nhận mới 01 trường(THPT Cẩm Thủy 3).

2.1.2. Công tác huy động trẻ ra lớp và phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục TH đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục THCS. Tạo cơ hội học tập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; trẻ khuyết tật được học tập hoà nhập.

- Tỷ lệ trẻ độ tuổi nhà trẻ ra lớp đạt 28 %, trẻ mẫu giáo đạt 98%, trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 100%. Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%. Huy động học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học vào lớp 6: 100%.

- Tỷ lệ HTCTTH 100%; lưu ban TH dưới 1%; THCS dưới 3%. Tỷ lệ bỏ học ở THCS dưới 1%. 100% xã, thị trấn nâng cao kết quả Phổ cập giáo dục MG 5 tuổi, Tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập GD THCS.

2.1.3 Chất lượng giáo dục đại trà, chất lượng mũi nhọn.

a. Giáo dục mầm non

- Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi; từng bước chuẩn hóa hệ thống các trường mầm non. Phát triển giáo dục mầm non dưới 05 tuổi có chất lượng phù hợp với điều kiện của xã, thị trấn.

- Duy trì 100% nhóm, lớp mầm non được học 2 buổi/ngày; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm trung bình 0,4%/năm, tỷ lệ trẻ em suy dinh

dưỡng thể thấp còi giảm trung bình 0,3%/năm, tỷ lệ trẻ em thừa cân - béo phì được khống chế.

b. Giáo dục phổ thông

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Thực hiện tốt phân luồng sau THCS; phải tiếp cận nghề nghiệp và chuẩn bị cho cho giai đoạn học sau THPT có chất lượng.

Chất lượng giáo dục hàng năm: đối với bậc tiểu học: về hạnh kiểm thực hiện đầy đủ đạt 95% trở lên, chất lượng giáo dục giỏi, khá đạt từ 55% trở lên, xét công nhận hoàn thành chương trình TH đạt 98,5% trở lên; THCS: về hạnh kiểm tốt, khá đạt 85% trở lên, chất lượng giáo dục giỏi, khá đạt từ 45% trở lên, xét công nhận TN THCS đạt 98% trở lên; bậc THPT: hạnh kiểm tốt, khá 90,0%; học lực giỏi và khá 35,0 % trở lên; trung tâm GDTX : hạnh kiểm tốt, khá 95,0%; học lực giỏi và khá 20,0% trở lên.

- Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục – xóa mù chữ. Phổ cập Giáo dục Tiểu học duy trì đạt chuẩn mức độ 3, Phổ cập Giáo dục Trung học cơ sở đạt chuẩn mức độ 3 và xóa mù chữ đạt chuẩn mức độ 2.

- Nâng cao chất lượng tốt nghiệp THCS và THPT, tỷ lệ học sinh đậu tốt nghiệp phần đầu cao hơn trung bình toàn tỉnh; kết quả tuyển sinh đại học đạt từ 35% trở lên so với số học sinh đăng ký tuyển sinh đại học; tỷ lệ học sinh giỏi cấp tỉnh giữ vững ở tốp đầu của 11 huyện miền núi

c. Giáo dục thường xuyên - Duy trì các phong trào học tập trên địa bàn dân cư; phấn đấu đến năm 2025 đạt trên 75% số xã, thị trấn đạt chuẩn xã hội học tập; 100% các xã thị trấn xếp loại “ cộng đồng học tập” từ loại khá trở lên.

- Giảm 50% người mù chữ ở các độ tuổi, Duy trì tỉ lệ người biết chữ từ 15- 35 tuổi đạt 100% và từ 15- 60 tuổi đạt 99%. Tỷ lệ lao động được qua đào tạo nghề đạt 70%. Số lao động có trình độ trung cấp chuyên nghiệp đạt tỷ lệ 30% .

2.1.4. Đội ngũ giáo viên.

Phấn đấu đến năm 2025 đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng đội ngũ CBGV và đồng bộ về cơ cấu bộ môn. Tỷ lệ CBGV bậc mầm non có trình độ chuẩn đạt 92.0%(*trong đó trình độ trên chuẩn đạt 80%*); cấp tiểu học có trình độ chuẩn đạt 80%; cấp THCS trình độ chuẩn đạt 90%(*trong đó trình độ trên chuẩn đạt 2.4%*), THPT đạt 10%; cơ bản bố trí đủ biên chế nhân viên hành chính theo quy định cho các cơ sở giáo dục. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng giáo viên là người địa phương đảm bảo ít nhất được 95%.

2.1.5. Công tác quản lý.

Nâng cao năng lực quản lý tài chính trong trường học. 100% các trường được tập huấn sử dụng phần mềm quản lý tài chính. Tiếp tục tập huấn bổ sung nghiệp vụ cho cán bộ kế toán các trường mầm non

Nâng cao năng lực cho hiệu trưởng về quản lý trường học. 100% CBQL các trường học có tham gia học tập và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý.

2.2. Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị trường học

2.2.1. Số phòng học, phòng phục vụ học tập, phòng bộ môn, các công trình phụ trợ cần xây dựng, đầu tư nâng cấp: Đảm bảo 100% trường TH, THCS có phòng học kiên cố, 100% trường Mầm non có khu trung tâm kiên cố.

- Phòng học bộ môn: 100% trường THCS, TH&THCS có phòng máy vi tính và máy chiếu đa năng phục vụ cho dạy và học. 03 trường THCS, TH&THCS có phòng học bộ môn.

- Thư viện: 22 thư viện đạt chuẩn.

2.2.1. Kế hoạch mua sắm bổ sung và thay thế trang thiết bị dạy học

Đảm bảo đầy đủ SGK, tài liệu tham khảo cho giáo viên – học sinh đặc biệt là tài liệu hướng dẫn dành cho chương trình 2 buổi/ngày ở Tiểu học, chương trình giáo dục Mầm non và sách giáo khoa thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới. Đầu tư bổ sung đồ chơi an toàn cho trẻ Mầm non theo hướng đạt chuẩn.

2.3. Kế hoạch tài chính(Có biểu mẫu đính kèm)

III. Những định hướng phát triển của ngành.

1. Củng cố, duy trì phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyển sinh đầu cấp, nâng cao chất lượng đại trà, duy trì sĩ số, duy trì kết quả xóa mù chữ và PCGDTH đúng độ tuổi; củng cố, nâng cao kết quả phổ cập GD THCS và từng bước thực hiện Phổ cập GD THPT.

2. Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất chú trọng xây dựng phòng học cho bậc học Mầm non và các phòng học thực hành, phòng học đa năng, bổ sung trang thiết bị-đồ dùng dạy học theo hướng trường đạt chuẩn Quốc gia.

3. Tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng, kết hợp bồi dưỡng chuyên môn với nghiệp vụ; xây dựng đội ngũ thạo việc, có tâm huyết thực sự với nghề. Sắp xếp đội ngũ đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, trình độ.

4. Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học; chú trọng công tác NCKH và đúc rút SKKN giáo dục. Nâng cao hiệu quả, chất lượng GD, chú trọng giáo dục đạo đức học sinh; phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu. Nâng cao chất lượng dạy-học Ngoại ngữ, Tin học cho CBGV và học sinh Tiểu học và THCS.

5. Xây dựng hệ thống mạng thông tin giáo dục. Tăng cường bồi dưỡng nguồn nhân lực khai thác, sử dụng ứng dụng CNTT trong toàn ngành.

6. Nâng cao chất lượng, tỷ lệ học sinh Mầm non, Tiểu học bán trú. Hỗ trợ giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh con hộ nghèo, học sinh làng

Chài thuộc Thị trấn Phong Sơn và các xã vùng 135. Tăng cường điều kiện hỗ trợ giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật.

7. Rà soát sắp xếp đội ngũ giáo viên phù hợp với bậc học và chuyên môn đào tạo.

PHẦN THỨ 3: CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NĂM HỌC 2023-2024.

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý của cấp ủy, cơ quan quản lý giáo dục, đào tạo; sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả và đồng bộ giữa các cơ quan quản lý giáo dục với chính quyền các cấp và cơ sở giáo dục, đào tạo trong thực hiện Nghị quyết

- Các cấp ủy đảng, chính quyền từ huyện đến xã, thị trấn, làng bản, tổ dân phố tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo để thật sự coi "Giáo dục và đào tạo là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của toàn dân", "Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu". Đặc biệt phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị để phát triển giáo dục, đào tạo; triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch số 04-UBND, ngày 07/01/2020 của UBND huyện Cẩm Thủy về Kế hoạch hành động Thực hiện Kế hoạch số 165-KH/TU ngày 15/8/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Kết luận số 51-KL/TW của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”; Phải xác định đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng của Ngành giáo dục, cần quyết liệt, kiên trì thực hiện.

- Thực hiện rà soát, bổ sung chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Ngành giáo dục và đào tạo phù hợp với Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, các đề án của tỉnh, của huyện về thực hiện nhiệm vụ đổi mới giáo dục, đào tạo. Thường xuyên quan tâm nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận của cán bộ, giáo viên và các tầng lớp nhân dân; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội huyện Đảng bộ lần thứ XXVI và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX.

- Đẩy mạnh công tác truyền về đổi mới giáo dục, đào tạo nhằm tạo sự đồng thuận, tin tưởng của xã hội đối với sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trước hết là việc đổi mới chương trình và sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

- Phòng Giáo dục & Đào tạo phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể cấp huyện định kỳ gặp gỡ, đối thoại, nắm bắt tâm tư, tình cảm, định hướng tư tưởng, giải quyết kịp thời nhu cầu, nguyện vọng và chăm lo, bảo vệ quyền lợi chính đáng của đội ngũ cán bộ, giáo viên và học sinh.

2. Tăng cường công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, kiến thức pháp luật và ý thức công dân trong các nhà trường

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 05- CT/TW của Bộ Chính trị khóa XI về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; đặc biệt coi trọng giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống tốt đẹp, giáo dục học sinh tình yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, sống tích cực, lành mạnh, trách nhiệm và làm việc hiệu quả.

- Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Kế hoạch 87/KH-TU ngày 01/6/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, đưa nội dung lịch sử Đảng bộ tỉnh và truyền thống cách mạng của nhân dân Thanh Hoá lồng ghép vào nội dung giáo dục lịch sử dân tộc, giáo dục công dân trong các nhà trường trên địa bàn huyện.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng việc giảng dạy, học tập, kiểm tra, đánh giá các môn giáo dục công dân, giáo dục lịch sử dân tộc, lịch sử Đảng bộ và truyền thống cách mạng của nhân dân tỉnh Thanh Hoá, huyện Cẩm Thủy trong các trường học và cơ sở giáo dục, đào tạo theo hướng thiết thực, hiệu quả, phù hợp với từng cấp học, bậc học.

- Coi trọng giáo dục truyền thống cách mạng của nhân dân Thanh Hoá, nhân dân Cẩm Thủy thông qua tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về lịch sử, văn hoá, biển đảo...; cuộc thi liên môn, tích hợp trong đội ngũ nhà giáo và học sinh, sinh viên.

- Đẩy mạnh công tác xây dựng môi trường văn hóa học đường, tăng cường giáo dục đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng trong trường học, đồng thời phát huy vai trò của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong việc giáo dục, rèn luyện học sinh.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên; phát huy tính tích cực tự giác, sự đam mê cống hiến hết mình cho giáo dục của đội ngũ nhà giáo, đồng thời làm tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của phụ huynh để phối hợp với nhà trường và xã hội trong việc giáo dục nhân cách, lối sống cho con em mình.

3. Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực; củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xoá mù chữ và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở; tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở, xây dựng xã hội học tập

- Phòng Giáo dục & Đào tạo phối hợp với Phòng Nội vụ, các phòng, ban liên quan tham mưu UBND huyện chỉ đạo, thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại Chương trình đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2020-2025, trong đó đặc biệt quan tâm tập trung nguồn lực để đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngành giáo dục chuẩn hóa về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và lý luận chính trị.

- Thực hiện hiệu quả Kế hoạch Nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn và giáo dục toàn diện giai đoạn 2021- 2025;

- Thực hiện hiệu quả Kế của UBND tỉnh về Kế hoạch thực hiện sắp xếp các trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT có nhiều cấp học hiện có đến năm 2025 theo đúng kế hoạch, lộ trình, bảo đảm hoàn thành mục tiêu đề ra.

- Duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục - xoá mù chữ.

- Thực hiện tốt Chỉ thị 10 của Bộ Chính trị về phân luồng học sinh sau trung học cơ sở; Thực hiện đúng tiến độ và hoàn thành các chỉ tiêu về phân luồng học sinh theo Kế hoạch số 106/KH-UBND, ngày 15/08/2019 của UBND huyện Cẩm Thủy về thực hiện Đề án ” Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục Phổ thông giai đoạn 2018-2025 trên địa bàn huyện Cẩm Thủy”; Đẩy mạnh công tác tư vấn hướng nghiệp và định hướng nghề nghiệp ở các trường THCS, TH&THCS, Trung tâm GDNN- GDTX; trong đó tập trung tổ chức tuyên truyền, tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương thực hiện các giải pháp để phân luồng học sinh theo quy định; đẩy mạnh công tác tư vấn tuyển sinh đại học và cao đẳng, đồng thời tuyên truyền, nâng cao nhận thức của xã hội về học nghề, lập nghiệp góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện

4. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; bảo đảm các điều kiện cơ bản để thực hiện tốt chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa mới

Phòng Giáo dục & Đào tạo chủ trì, phối hợp với các phòng: Nội vụ, TC-KH và các phòng ban liên quan tham mưu cho UBND huyện thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau:

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Quyết định số 3678/2011/QĐ-UBND ngày 18/11/2011 của UBND tỉnh quy định về điều động, chuyển, tiếp nhận và tuyển dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hành chính các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập; rà soát đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục trong các đơn vị, trường học; tham mưu UBND tỉnh sắp xếp, điều chuyển, tuyển dụng đội ngũ CBGV-NV đảm bảo đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu bộ môn để nâng cao chất lượng dạy và học.

- Tập trung chỉ đạo đổi mới phương pháp giảng dạy, đổi mới tổ chức các hoạt động giáo dục, đổi mới cách thức sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn, công tác đánh giá xếp loại học sinh theo quy định nhằm phát huy năng lực người học.

- Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tiến tới bảo đảm 100% đạt chuẩn về trình độ đào tạo. Coi trọng giáo dục đạo đức nghề nghiệp, đào tạo nâng cao năng lực về ngoại ngữ, tin học cho giáo viên phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

- Triển khai, thực hiện có hiệu quả đề án Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá; phấn đấu đến năm 2025, chất lượng dạy học ngoại ngữ đạt mức khá so với mặt bằng chung của toàn tỉnh.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, nhất là đội ngũ đang công tác tại các xã kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Tham mưu cho Sở Giáo dục & Đào tạo, UBND huyện ưu tiên nguồn tài chính cho giáo dục, bảo đảm đủ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ tốt việc triển khai chương trình và sách giáo khoa mới. Tăng cường đầu tư, phát triển nhanh trường, cụm lớp cho cấp học mầm non; bảo đảm đủ trường, lớp cho học sinh học ngày 2 buổi/ngày, nhất là ở các xã vùng khó khăn, trước hết tập trung cho giáo dục mầm non, tiểu học.

5. Đổi mới hình thức, phương pháp dạy học, kiểm tra, thi và đánh giá kết quả giáo dục và đào tạo

- Các trường học, cơ sở giáo dục tiếp tục đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất của người học; đa dạng hóa các hình thức dạy học, chú trọng rèn luyện phương pháp tự học; tăng cường các hoạt động xã hội, nghiên cứu khoa học và vận dụng kiến thức vào thực tế.

- Tập trung chỉ đạo các kỳ thi cấp huyện, tham gia các kỳ thi cấp tỉnh và quốc gia đảm bảo nghiêm túc, khách quan, công bằng, đúng quy chế. Tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục theo hướng đánh giá năng lực của người học, kết hợp đánh giá quá trình học với kết quả cuối năm học của học sinh.

6. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu khoa học trong đội ngũ nhà giáo, cán bộ QLGD và học sinh.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học trong đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, trong đó tập trung chỉ đạo, thực hiện công tác viết sáng kiến kinh nghiệm trong toàn Ngành giáo dục về các lĩnh vực quản lý giáo dục, đào tạo và hoạt động chuyên môn, bảo đảm chất lượng, hiệu quả và có tính ứng dụng thực tiễn cao.

- Tiếp tục triển khai nghiêm túc, hiệu quả cuộc thi Sáng tạo khoa học - kĩ thuật dành cho học sinh Trung học.

PHẦN THỨ 4: KIẾN NGHỊ

- Với Sở GD&ĐT: Sở GD&ĐT tham mưu với HĐND-UBND Tỉnh cho phép tuyển dụng hoặc hợp đồng dài hạn đối với số CBGV các bộ môn còn thiếu, đặc biệt là giáo viên Tiểu học và giáo viên các môn đặc thù THCS đảm bảo thực hiện các môn trong chương trình Giáo dục phổ thông mới. Có cơ chế tuyển dụng nhân viên y tế cho các trường có lớp bán trú, các trường chuẩn quốc gia để thực hiện đúng Thông tư 17,18,19 và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện đáp ứng yêu cầu hội nhập.

- Với UBND Tỉnh: UBND Tỉnh có chính sách hỗ trợ cho đội ngũ cán bộ quản lý thuộc phòng Giáo dục & Đào tạo. Đối với số giáo viên mầm non, giáo viên các môn đặc thù các trường Tiểu học, THCS, cán bộ hành chính còn thiếu, đề nghị tỉnh sớm có chính sách tuyển dụng mới hoặc có cơ chế hỗ trợ kinh phí để huyện hợp đồng.

PHẦN THỨ 5: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2020 - 2025 và các nội dung triển khai chỉ đạo của Sở GD-ĐT. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện trong từng năm học, tập trung chỉ đạo đổi mới công tác quản lý, nâng cao chất lượng dạy và học; thực hiện đúng biên chế, định mức học sinh/lớp; đội ngũ giáo viên phù hợp với vùng miền; chỉ đạo tổ chức giao ban giáo dục cấp xã; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện của các đơn vị, trường học trên địa bàn. Chỉ đạo các đơn vị, trường học triển khai, thực hiện kế hoạch; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện trong từng năm học; giải quyết kịp thời những khó khăn nảy sinh trong quá trình thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với phòng Nội vụ, phòng Lao động- Thương binh xã hội theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch, định kì báo cáo Chủ tịch UBND huyện;

- Phối hợp với Phòng Tài chính- Kế hoạch cân đối và bố trí ngân sách nhà nước hàng năm cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo để triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch.

2. Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo theo dõi, đôn đốc kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch đối với lĩnh vực dạy nghề, định kì gửi Phòng Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND huyện;

- Phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch cân đối và bố trí ngân sách nhà nước hàng năm cho lĩnh vực dạy nghề để triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch.

3. Phòng Văn hóa- Thông tin: Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn, thực hiện tốt công tác tuyên truyền kịp thời đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của nhà nước về kết quả của đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo và dạy nghề;

4. Phòng Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo, phòng Lao động- Thương binh và Xã hội bảo đảm nguồn lực và các điều kiện cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch.

5. Phòng Nội vụ:

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo triển khai rà soát, bố trí, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ngành giáo dục đảm bảo đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo; tiếp tục triển khai, giải quyết dứt điểm tình trạng mất cân đối giáo viên trên địa bàn huyện hiện nay;

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Tài chính, Phòng Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở quy định của tỉnh xây dựng các tiêu chuẩn, qui định trong tuyển dụng công chức, viên chức ngành giáo dục, đào tạo gắn với yêu cầu vị trí việc làm.

- Chủ động phối hợp với phòng Giáo dục xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác tuyên dụng, hợp đồng cán bộ, giáo viên, nhân viên ngành giáo dục, đào tạo.

7. Các phòng, ban liên quan, cơ quan thuộc UBND huyện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao:

- Căn cứ vào Kế hoạch này, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hành động; định kỳ sơ kết đánh giá tình hình thực hiện gửi Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND huyện;

- Xây dựng dự toán chi để thực hiện kế hoạch hành động, tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm gửi Phòng Tài chính trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của luật ngân sách nhà nước.

8. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

- Chỉ đạo việc thực hiện tuyên truyền sâu rộng quan điểm, nội dung, giải pháp Kế hoạch Phát triển giáo dục giai đoạn 2021- 2025.

- Phối hợp với ngành GD&ĐT, tăng cường chỉ đạo hoàn thành mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia; chỉ đạo nâng cao chất lượng, tỷ lệ đạt chuẩn Phổ cập Giáo dục – xóa mù chữ, đẩy mạnh, nâng cao chất lượng các phong trào học tập trên địa bàn dân cư.

9. Đề nghị Ban Tuyên giáo Huyện ủy: Chỉ đạo Đảng ủy các xã, thị trấn và các tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức và nhân dân tham gia thực hiện Kế hoạch.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện và các tổ chức thành viên: Tham gia phổ biến, thực hiện, vận động các tổ chức và người dân tích cực tham gia giám sát thực hiện Kế hoạch.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể, các phòng, ban ngành, địa phương chủ động phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT(để b/c);
- TT huyện ủy, TTHĐND huyện (để b/c);
- Đ/c Chủ tịch, các Phó CT UBND(để b/c);
- Ban tuyên giáo huyện ủy(để b/c);
- Ban biên tập Webside huyện;
- Lãnh đạo, CV phòng GD&ĐT(để t/h);
- Lưu VT, GD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Đức Hùng